

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN T2 H, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia Đ;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2019.

Sau khi nghiên cứu H sơ việc Hôn nhân và gia Đ sơ thẩm thụ lý số 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **A N Chiến T, sinh năm 1970;** Hộ khẩu thường trú: P6B10 N K, quận B Đ, Hà Nội; Nơi cư trú: 210 F8, ngõ 328 N T1, phường ThA X Trung, quận ThA X, Hà Nội.

- **Chị N Q A, sinh năm 1965;** Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số nhà 53C, ngõ 27, phố V T, phường B, quận T2 H, Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về quan hệ hôn nhân: A N Chiến T và chị N Q A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 28/12/1995 tại UBND quận B Đ, Thành phố Hà Nội, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo A T, chị Q A: Sau khi kết hôn vợ cHng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ cHng không tìm được tiếng nói chung và đã sống ly thân. A, chị xác định tình cảm vợ cHng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cùng thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của A T, chị Q A là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2].Về con chung: A T, chị Q A xác nhận A chị có 02 con chung là N K N, sinh ngày 05/10/1996 và N Phương Linh, sinh ngày 08/3/2003.

A chị thỏa thuận: Cháu N K N đã đến tuổi trưởng thành, có cuộc sống ổn định, A chị không yêu cầu giải quyết. Sau khi ly hôn chị Q A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung N Phương Linh. A T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Q A. A T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3].Về tài sản, nhà đất: A, chị cùng xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4].Về công nợ chung: A, chị cùng xác nhận A chị không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5].Về lệ phí Tòa án: Chị N Q A tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm tại biên lai thu số 0003527 ngày 28/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận T2 H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1].Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: A N Chiến T và chị N Q A cùng thuận tình ly hôn.

-Về con chung: A, chị có 02 con chung là N K N, sinh ngày 05/10/1996 và N Phương Linh, sinh ngày 08/3/2003.

Cháu N K N đã đến tuổi trưởng thành, có cuộc sống ổn định, A chị không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Giao chị N Q A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung N Phương Linh.Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với A T cho đến khi chị Q A có yêu cầu hoặc khi có quyết định thay đổi khác. A T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, nhà đất: A, chị cùng xác nhận A chị không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về công nợ chung: A, chị cùng xác nhận A chị không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2].Về lệ phí Tòa án: Chị N Q A tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0003527 ngày 28/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T2 H.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được Bn hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Tây Hồ;
- CCTHADS quận T2 H;
- UBND quận B Đ (đăng ký kết hôn số 150 năm 1995);
- Lưu H sơ, VP;

Thẩm phán

Đỗ T Vân A